

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long

Bà Phạm Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐ-ST ngày 10/01/2022; Q định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Xuân Q, sinh ngày 06/01/1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 29/4/1995 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị V tại Việt Nam: Thôn S, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Hoàng Xuân Q trình bày:

Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Anh, chị đăng ký kết hôn ngày 02/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nơi anh đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị V về nhà anh làm dâu ngay. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị V bỏ về nhà đẻ sinh sống. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Khoảng tháng 2/2020 chị V đi lao động tại nước ngoài Đài Loan. Khi đi không bàn bạc gì với anh. Kể từ tháng 4 năm 2020 đến nay anh và chị V không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Kiều V.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải Q.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải Q.

Chị Nguyễn Thị Kiều V là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang:

Tại biên bản làm việc ngày 26/01/2022 và 11/02/2022, bà Đồng Thị T là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Kiều V cung cấp chị V hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài (Đài Loan). Anh Q, chị V đăng ký kết hôn ngày 02/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị V về nhà anh Q làm dâu ngay. Sau khi kết hôn anh, chị sống hòa thuận được một thời gian thì thấy chị V nói vợ chồng mâu thuẫn nên về sống cùng vợ chồng bà. Nguyên nhân mâu thuẫn thấy chị V nói vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Bà có khuyên bảo nhưng anh, chị không thống nhất được với nhau. Khoảng tháng 2/2020 chị V đi lao động tại nước ngoài (Đài Loan) đến nay chưa về. Chị V và anh Q chưa có con chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Anh Q vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Q, Biên bản làm việc với bà Đồng Thị T là mẹ của chị V và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ

đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Hoàng Xuân Q có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều V không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị V. Căn cứ các quy định của pháp luật, xét xử vắng mặt chị V là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị Q của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Xuân Q, xử cho anh Hoàng Xuân Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Kiều V.

Về án phí: Buộc anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của anh Hoàng Xuân Q và các tài liệu trong hồ sơ, Công văn trả lời số 2149/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 20/01/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an, chị Nguyễn Thị Kiều V xuất cảnh ngày 16/02/2020 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, chị V được xác định là đang ở nước ngoài. Ngoài ra, lời khai của nguyên đơn, mẹ đẻ bị đơn xác định được nơi cư trú cuối cùng của chị V ở Việt Nam trước khi xuất cảnh là thôn S, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh Q, chị V đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt đương sự trong vụ án: Anh Hoàng Xuân Q là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Hoàng Xuân Q.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều V vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị V là bà Đồng Thị T để giao thông báo thụ lý vụ án và đề nghị bà T thông báo cho chị V biết việc Tòa án

nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải Q vụ án tranh chấp “Hôn nhân gia đình” giữa anh Hoàng Xuân Q và chị Nguyễn Thị Kiều V. Bà T cho biết chị V vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị V không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị V tại nước ngoài (Đài Loan). Vì vậy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Hoàng Xuân Q và chị Nguyễn Thị Kiều V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh Q khởi kiện xin ly hôn chị V.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Xuân Q với chị Nguyễn Thị Kiều V. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh Q và chị V chung sống với nhau hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị V bỏ về nhà đẻ sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Tháng 2/2020 chị V đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài (Đài Loan) nên từ tháng 4/2020 đến nay anh Q, chị V không còn liên lạc với nhau. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải Q cho anh và chị V được ly hôn. Do đó, cần xác định vợ chồng anh Q, chị V không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, xử cho anh Hoàng Xuân Q được ly hôn nhau chị Nguyễn Thị Kiều V là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Anh Q trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải Q.

[5]. Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải Q.

[6]. Về án phí: Anh Hoàng Xuân Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Xuân Q, xử:

1. Về hôn nhân: Anh Hoàng Xuân Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Kiều V.

2. Về án phí: Anh Hoàng Xuân Q phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000279 ngày 10/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Hoàng Xuân Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Hoàng Xuân Q vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Kiều V hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Q, huyện Y;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

